TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH B PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05**/2024/HS-ST
Ngày: 23/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH B PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông H T**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Viết Xứng**
Ông Phạm Văn Giới

Thư ký phiên tòa: **Ông Ph** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B Phước tham gia phiên tòa: **Ông N T H**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2024/QĐXXST-HS ngày 08/01/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **S** (tên gọi khác: không có); sinh năm 1993; Nơi sinh: Nghệ An; Giới tính: Nam; Dân tộc: kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; Nơi cư trú: Xóm 3, xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã T, Thành phố Đ X, tỉnh B Phước; con ông Hoàng Đình Tình, sinh năm 1954 và bà Lê Thị Châu, sinh năm 1964; Bị cáo có 02 anh chị em ruột sinh năm 1987 và nhỏ nhất sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/6/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/Bà LH, sinh năm 1993.

Trú tại: Số 257 đường 8, phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông B, sinh năm 1998.

Trú tại: Ấp 4, xã T, thành phố Đ X, tỉnh B Phước.3. Bà T, sinh năm 1980.

Trú tại: Khu phố Tân B, Phường Tân B, thành phố Đ X, tỉnh B Phước.

4/ Ông Ngô Minh L, sinh năm 1987.

Trú tại: 542/48/9 Trần Phú, phường 5, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nơi ở hiện nay: Số 138 phường Tân Thiện, thành phố Đ X, tỉnh B Phước.

5/ Ông Nguyễn Viết Ch, sinh năm 1987.

Trú tại: Xóm 7, xã Long Tân, huyện Phú Riềng, tỉnh B Phước.

6. Bà Lại Thị Huyền Tr, sinh năm 2006.

Trú tại: Số 116/41 Nguyễn Văn Lượng, phường 17, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Bà Lại Thị Vân A, sinh năm 2002.

Trú tại: Bon Điện Đu, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

8/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn 5, xã Quảng Cát, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

9/ Bà Lê Thị Cẩm Nh, sinh năm 1987.

Trú tại: Khu phố Tân Xuân, phường Tân Xuân, thành phố Đ X, tỉnh B Phước.

10/ Bà Huỳnh Thị Trúc H, sinh năm 1997.

Trú tại: Khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đ, tỉnh B Phước.

11/ Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1989.

Trú tại: Thôn 1, xã Đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước.

Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Tiến Thành, TP Đ X, tỉnh B Phước.

12/ Bà Đinh Thị Thu C, sinh năm 1981.

Trú tại: Ấp 7, xã Tân Thành, thành phố Đ X, tỉnh B Phước.

13/ Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 2002.

Trú tại: Xóm Nguyễn Tạo, xã Giang S Động, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B Phước truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Bị cáo S được cha mẹ cho mượn tiền để kinh doanh bất động sản, đến năm 2023 thì gặp khó khăn, hàng tháng phải trả tiền lãi ngân hàng nên S nảy sinh ý định cho vay tiền trả góp với lãi suất cao để kiếm lời. Bị cáo S đã in tờ rơi nội dung cho vay tiền, ghi số điện thoại 0964867678 và rải ở khu vực thành phố Đ X, huyện Đ để người có nhu cầu vay tiền liên hệ. Người vay thường là tiểu thương buôn bán nhỏ lẻ, cần tiền xoay xở hằng ngày. Khi người vay liên hệ, S đến gặp mặt trực tiếp biết nhà cửa, phòng trọ, mặt hàng kinh doanh… từ đó đánh giá cho vay. Hình thức cho vay là tín chấp, S không cầm giữ tài sản, không lập giấy tờ, một số trường hợp S giữ giấy tờ gốc như CCCD, giấy đăng ký xe mô tô… của người vay và sau vài ngày thì trả lại. Các khoản vay gồm: vay 3 triệu đồng góp 150.000 đồng/ngày trong 23 ngày hoặc 24 ngày, phí hồ sơ 50.000 đồng; vay 5 triệu đồng góp 250.000 đồng/ngày trong 24 ngày, phí hồ sơ 100.000 đồng; vay 10 triệu đồng góp 500.000 đồng/ngày trong 23 ngày, phí hồ sơ 500.000 đồng; vay 20 triệu đồng góp 1 triệu đồng/ngày trong 23 ngày, phí hồ sơ 500.000 đồng. Một số trường hợp S không lấy phí hồ sơ hoặc giảm phí hồ sơ (phí hồ sơ thực chất là khoản tiền S tự đặt ra và thu

thêm để chi phí xăng xe, điện thoại…). Việc cho vay và góp tiền hằng ngày có thể bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản số 0964867678 của S mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội (ngân hàng MB). Trong thời gian từ tháng 3/2023 đến ngày 17/6/2023, S đã cho 12 (mười hai) người vay tiền trả góp với lãi suất cao, cụ thể như sau.

01. Vào ngày 10/5/2023, bà LH vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 1.000.000đ/ngày trong 23 ngày, phí hồ sơ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Đối với khoản vay này, Hương đã trả xong. Đến ngày 01/6/2023, Hương vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 1.500.000đ/ngày trong 23 ngày, phí hồ sơ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Hương trả góp 17 ngày 25.500.000 đồng (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu qua các lần cho vay là 6.326.087đ (sáu triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn không trăm tám mươi bảy đồng), trong đó có: 5.794.580đ (năm triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn năm trăm tám mươi đồng) là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác S đã thu trong quá trình cho vay là 1.000.000đ (một triệu đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà S thu được là: 6.794.580đ (sáu triệu bảy trăm chín mươi tư nghìn năm trăm tám mươi đồng).

02. Vào ngày 09/3/2023, ông B vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 500.000đ/ngày trong 23 ngày, phí hồ sơ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), B đã trả xong. Đến ngày 03/4/2023, B vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 500.000đ/ngày trong 23 ngày, phí hồ sơ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), phí hồ sơ 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng), B đã trả xong. Đến ngày 02/6/2023, B vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 500.000đ/ngày trong 23 ngày, phí hồ sơ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Anh B trả góp 17 ngày 8.500.000 đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu qua các lần cho vay là 4.108.696đ (bốn triệu một trăm lẻ tám nghìn sáu trăm chín mươi sáu đồng), trong đó có: 3.763.490đ (ba triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng) là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác S đã thu trong quá trình cho vay là 1.400.000đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà S thu được là: 5.163.490đ (năm triệu một trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

03. Vào ngày 31/5/2023, bà T vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 500.000đ/ngày trong 23 ngày, phí hồ sơ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Tâm đã trả góp 16 ngày 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu là 1.043.478đ (một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi tám đồng), trong đó có: 955.807đ (chín trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm lẻ bảy đồng) là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác S đã thu trong quá trình cho vay là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà S thu được là: 1.455.807đ (một triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm lẻ bảy đồng).

04. Vào ngày 12/5/2023, ông Ngô Minh L vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 1.000.000đ/ngày trong 23 ngày, phí hồ sơ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), Lực đã trả góp xong. Đến ngày 01/6/2023, vay 20.000.000đ (hai

mươi triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 1.000.000đ/ngày trong 23 ngày, phí hồ sơ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Đối với khoản vay này, Lực trả góp 18 ngày 18.000.000đ (mười tám triệu đồng). Trong thời gian trả gói vay trên, ngày 10/6/2023, vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 1.000.000đ/ngày trong 23 ngày, phí hồ sơ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Anh Lực trả góp 08 ngày 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu qua các lần vay là 6.391.304đ (sáu triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn ba trăm lẻ tư đồng), trong đó có: 5.854.318đ (năm triệu tám trăm năm mươi tư nghìn ba trăm mười tám đồng) là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác S đã thu trong quá trình cho vay là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà S thu được là: 6.754.318đ (sáu triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm mười tám đồng).

05. Vào tháng 4/2023, ông Nguyễn Viết Ch vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 500.000đ/ngày trong 24 ngày, Chiểu trả góp xong. Đến ngày 07/6/2023, Chiểu vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 500.000đ/ngày trong 24 ngày, phí 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Đối với khoản vay này, Chiểu trả góp 13 ngày 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu qua các lần vay là 3.083.333đ (ba triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó có: 2.880.594đ (hai triệu tám trăm tám mươi nghìn năm trăm chín mươi tư đồng) là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác S đã thu trong quá trình cho vay là 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà S thu được là: 3.130.594đ (ba triệu một trăm ba mươi nghìn năm trăm chín mươi tư đồng).

06. Vào ngày 18/4/2023, bà Lại Thị Huyền Tr vay 3.000.000đ (ba triệu đồng) trả góp (gốc và lãi) 150.000đ/ngày trong thời gian 24 ngày. Trang đã trả góp xong, đến ngày 16/6/2023, Trang vay 4.000.000đ (bốn triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 200.000đ/ngày trong thời gian 24 ngày. Trang trả góp 04 ngày 800.000 đ (tám trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu qua các lần vay là 733.333đ (bảy trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó có: 685.114đ (sáu trăm tám mươi lăm nghìn một trăm mười bốn đồng) là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà S thu được là: 685.114đ (sáu trăm tám mươi lăm nghìn một trăm mười bốn đồng).

07. Vào tháng 3/2023, bà Lại Thị Vân A vay S 3.000.000đ (ba triệu đồng) trả góp (gốc và lãi) 150.000đ/ngày trong thời gian 23 ngày, phí hồ sơ 50.000đ (năm mươi nghìn đồng). Vân Anh đã trả xong, đến ngày 03/6/2023, Vân Anh vay 4.000.000đ (bốn triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 200.000đ/ngày trong thời gian 23 ngày, phí hồ sơ 50.000đ (năm mươi nghìn đồng). Đối với khoản vay này, Vân Anh trả góp 14 ngày 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu qua các lần vay là 815.217đ (tám trăm mười lăm nghìn hai trăm mười bảy đồng), trong đó có: 746.724đ (bảy trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng) là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác S đã thu trong quá trình cho vay là 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Tổng số tiền thu lợi

bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà S thu được là: 846.724đ (tám trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm hai mươi bốn đồng).

08. Vào tháng 3/2023, ông Nguyễn Văn H vay S 5.000.000đ (năm triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) góp 250.000đ/ngày trong 24 ngày, phí hồ sơ 100.000đ (một trăm nghìn đồng), đã trả xong. Đến tháng 5/2023, Hiếu vay 6.000.000đ (sáu triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) góp 300.000đ/ngày trong 24 ngày, phí hồ sơ 100.000đ (một trăm nghìn đồng), Hiếu đã trả góp xong. Tổng số tiền lãi S đã thu qua các lần vay là 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó có: 2.055.342đ (hai triệu không trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng) là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác S đã thu trong quá trình cho vay là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà S thu được là: 2.255.342đ (hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

09. Vào ngày 08/6/2023, bà Lê Thị Cẩm Nh vay S 5.000.000đ (năm triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) góp 250.000đ/ngày trong 23 ngày, không thu phí. Đối với khoản vay này, Nh trả góp 10 ngày 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu là 326.087đ (ba trăm hai mươi sáu nghìn không trăm tám mươi bảy đồng), trong đó có: 298.690đ (hai trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi đồng) là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà S thu được là: 298.690đ (hai trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi đồng).

10. Vào ngày 04/5/2023, bà Huỳnh Thị Trúc H vay S 10.000.000đ (mười triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 500.000đ/ngày trong 23 ngày, phí hồ sơ 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Trong thời gian trả góp, Huyền đáo hạn 02 lần, phí hồ sơ mỗi lần đáo là 500.000đ, lần đáo thứ 2 huyền trả góp được 10 ngày với số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Trong quá trình điều tra, ngày 04/09/2023 Huyền trả cho S 5.000.000đ tiền gốc mà Huyền còn nợ S. Tổng số tiền lãi S đã thu qua các lần Huyền vay là 3.652.174đ (ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn một trăm bảy mươi tư đồng), trong đó có: 3.345.325đ (ba triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền phí khác S đã thu trong quá trình cho vay là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí khác) mà S thu được là: 4.845.325đ (bốn triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng).

11. Vào ngày 18/5/2023, bà Trần Thị Thùy L; SN: 1989, HKTT: thôn 1, đường 10, huyện Bù Đăng, tỉnh B Phước; chỗ ở: khu phố 3, phường Tiến Thành, thành phố Đ X, tỉnh B Phước vay S 10.000.000đ (mười triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) góp 500.000đ/ngày trong 23 ngày, Linh đã trả xong. Đến ngày 09/6/2023, vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), trả góp (gốc và lãi) 500.000đ/ngày trong 23 ngày. Đối với khoản vay này, Linh trả góp 10 ngày 5.000.000đ (năm triệu đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu qua các lần vay là 2.152.174đ (hai triệu một trăm năm mươi hai nghìn một trăm bảy mươi tư đồng), trong đó có: 1.971.352đ (một triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi hai đồng) là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm + tiền phí

khác) mà S thu được là: 1.971.352đ (một triệu chín trăm bảy mươi mốt nghìn ba trăm năm mươi hai đồng).

12. Vào tháng 3/2023, bà Đinh Thị Thu C vay 3.000.000đ (ba triệu đồng), không thu phí hồ sơ, trả góp (gốc và lãi) 150.000đ/ngày trong 24 ngày, gói vay này C đã trả xong. Đến tháng 5/2023, C vay 6.000.000đ (sáu triệu đồng), không thu phí hồ sơ, trả góp (gốc và lãi) 300.000đ/ngày trong 24 ngày. Đối với khoản vay này, C trả góp được 06 ngày với số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng). Tổng số tiền lãi S đã thu qua các lần C vay là 1.252.174đ (một triệu hai trăm năm mươi hai nghìn một trăm bảy mươi tư đồng), trong đó có: 1.157.927đ (một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng) là tiền lãi vượt quá lãi suất trên 20%/năm. Tổng số tiền thu lợi bất chính (tiền lãi vượt quá 20%/năm) mà S thu được là: 1.157.927đ (Một triệu một trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng).

Quá trình điều tra, bị cáo S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên.

Tại Cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 31/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B Phước đã truy tố bị cáo S về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi là Bộ luật hình sự);

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B Phước giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo S phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự";* Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 201; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 35; Điều 50 Bộ luật Hình sự đề xuất tuyên phạt bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng; Các vấn đề về xử lý vật chứng, tịch thu tang vật, tiền thu lợi bất chính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định pháp luật.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B Phước trình bày lời luận tội đối với bị cáo và kết luận đối với vụ án, bị cáo S không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định trên. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là đúng pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, tuy Nh, sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo S khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 31/10/2023 của Viện KSND huyện Đ, tỉnh B Phước đã truy tố, cụ thể: Với mục đích thu lợi bất chính để có tiền tiêu xài cá nhân, từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2023, bị cáo S đã cho 12 người trên địa bàn huyện Đ và thành phố Đ X, tỉnh B Phước vay 259.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng) với lãi suất từ 238% - 304%/năm; gấp từ 11,9 - 15,2 lần lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định, tổng số tiền thu lợi bất chính là 35.042.158 đồng (Ba mươi lăm triệu không trăm bốn mươi hai nghìn một trăm năm mươi tám đồng).

Xét lời khai nhận của bị cáo S tại phiên tòa là phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cũng như những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ đã được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần xử phạt bị cáo với mức hìn phạt nghiêm để nhằm răn đe và giáo dục. Tuy Nh khi lượng hình cần phải xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiêm hình sự đối với bị cáo.

[4] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo S đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì cần xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội có

tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm nên cần áp dụng mức hình phạt chính là hình phạt tiền là phù hợp, để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, công đồng và xã hội.

[5] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B Phước là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do hình phạt chính được áp dụng là hình phạt tiền.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Đối với hình thức vay tiền trả góp và vay tiền lãi đứng thì việc người vay tiền hoàn trả toàn bộ tiền gốc, tiền lãi; hoàn trả một phần tiền góp (tiền gốc và tiền lãi) hay mới hoàn trả tiền góp theo ngày; Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì đối với khoản tiền gốc bị cáo cho vay là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm và tiền phí (nếu có) là tiền phát sinh từ việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) thì buộc bị cáo hoàn trả lại cho người vay; Đối với số tiền gốc (trong vay tín chấp) và nợ gốc còn lại (vay góp) của người vay thì buộc người vay nộp lại để sung vào công quỹ Nhà nước, cụ thể như sau:

+ Tiền gốc dùng cho vay: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Tiền lãi theo mức cao nhất của Bộ luật Dân sự: 2.540.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Tiền phí hồ sơ trái pháp luật: 5.850.000 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

- Đối với số tiền thu lợi bất chính vượt quá mức cao nhất Bộ luật Dân sự quy định mà bị cáo đã thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay) theo quy định buộc bị cáo phải trả lại cho họ, tuy Nh quá trình điều tra, truy tố những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì và tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan này vắng mặt nên cần tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[9] Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím là phương tiện dung đề liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Đối với 01 (một) bản sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có, khách hàng S, số tài khoản 0964867678, Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh B Phước từ ngày 01/5/2023 đến ngày 20/6/2023 là chứng cứ chứng minh cho hành vi phạm tội nên cần quản lý theo hồ sơ vụ án.

[10] Đối với Nguyễn Duy Đ là người ở cùng với S nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội của S. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã khởi tố Nguyễn Duy Đ trong một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Vũ Trường S, Nguyễn Văn Ngọc theo lời khai của S là người vay tiền của S với lãi suất cao nhưng Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên đã tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau do đó Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[11] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo S phải nộp theo quy định tại Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo S phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; các Điều 35, 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo S số tiền 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng).*

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền.

2. Các biện pháp tư pháp:

2.1. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tuyên:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, màu tím: Công cụ, phương tiện để liên lạc khách vay, giao dịch chuyển tiền, nhận tiền.

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) bản sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có, khách hàng S, số tài khoản 0964867678, Ngân hàng TMCP Quân đội Chi nhánh B Phước từ ngày 01/5/2023 đến ngày 20/6/2023.

2.2. Áp dụng Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2.2.1. Buộc bị cáo S nộp ngân sách Nhà nước số tiền cụ thể: 158.390.000 đồng gồm các khoản:

+ Tiền gốc dùng cho vay: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Tiền lãi theo mức cao nhất của Bộ luật Dân sự: 2.540.000 đồng (Hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Tiền phí hồ sơ trái pháp luật: 5.850.000 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

2.2.3 Truy thu nộp ngân sách nhà nước đối với số tiền gốc của 12 người đã vay nhưng chưa trả cho bị cáo S, gồm:

+ Bà LH: 7.826.000 đồng (Bảy triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng)

+ Ông B: 2.609.000 đồng (Hai triệu sáu trăm lẻ chín nghìn đồng)

+ Bà T: 3.043.000 đồng (Ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng)

+ Ông Ngô Minh L: 4.348.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) + 13.043.000 đồng (Mười ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng) = 17.391.000 đồng (Mười bảy triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn đồng) *(vay 02 gói)*

+ Ông Nguyễn Viết Ch: 4.583.000 đồng (Bốn triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng)

+ Bà Lại Thị Huyền Tr: 3.333.000 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)

+ Bà Lại Thị Vân A: 1.565.000 đồng (Một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)

+ Bà Lê Thị Cẩm Nh: 2.826.000 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng)

+ Bà Huỳnh Thị Trúc H: 652.000 đồng (Sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng)

+ Bà Trần Thị Thùy L: 5.652.000 đồng (Năm triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng)

+ Bà Đinh Thị Thu C: 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo S phải nộp 200.000 đồng.

Bị cáo S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B Phước (01);
- VKSND tỉnh B Phước (01)
- VKSND huyện Đ (01);
- Chi cục THADS huyện Đ (01);
- PV06 - CA tỉnh B Phước (01);
- Công an huyện Đ (03);
- Trung tâm lý lịch tư pháp - Sở Tư pháp tỉnh B Phước (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng (01);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tòa

- Luru (02).